

Số: 04 /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định thẩm quyền, cách thức xác định, kiểm tra, đánh giá
hồ sơ xử phạt phức tạp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành
chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm
hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi
phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác
quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 164/TTr-STP
ngày 16 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền, cách thức xác định, kiểm tra, đánh
giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc có nội dung phức tạp, phạm
vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng; vụ việc có yêu cầu giải trình hoặc phải

xác minh các tình tiết có liên quan; vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ (sau đây gọi tắt là hồ sơ xử phạt phức tạp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; người có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 3. Xác định hồ sơ xử phạt phức tạp

1. Hồ sơ xử phạt phức tạp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vụ việc vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Vụ việc vi phạm hành chính thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ.

2. Việc xác định vụ việc vi phạm hành chính đặc biệt nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này căn cứ vào quy mô, tính chất và hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trên cơ sở kết quả giám định, kiểm định, thẩm định, phân tích, đánh giá của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật.

3. Vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vụ việc vi phạm hành chính trong đó một cá nhân, tổ chức có từ hai hành vi vi phạm hành chính trở lên hoặc một vụ việc vi phạm hành chính có từ hai cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trở lên.

b) Vụ việc vi phạm hành chính có liên quan đến yếu tố nước ngoài hoặc người Việt Nam đang ở nước ngoài. Các yếu tố liên quan đến nước ngoài gồm: Người nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức nước ngoài; các yếu tố nước ngoài khác có liên quan đến vụ việc vi phạm hành chính.

c) Vụ việc vi phạm hành chính gây ra từ hai hậu quả hoặc phải thực hiện từ hai biện pháp khắc phục hậu quả trở lên theo quy định pháp luật.

d) Vụ việc vi phạm hành chính phải thực hiện các việc giám định, thẩm định, phân tích, đánh giá của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền sau khi lập biên bản vi phạm hành chính.

đ) Vụ việc vi phạm hành chính phải xác định giá trị của hai tang vật hoặc phương tiện trở lên hoặc xác định giá trị của cả tang vật và phương tiện.

e) Vụ việc vi phạm hành chính xảy ra trên khu vực, địa bàn giáp ranh từ hai đơn vị hành chính trở lên.

g) Các vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp khác, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật do người có thẩm quyền xử phạt quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của thủ trưởng trực tiếp của người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra quyết định xử phạt thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 4. Thẩm quyền xác định hồ sơ xử phạt phức tạp

Căn cứ hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính và quy định tại Điều 3 Quyết định này và các văn bản pháp luật liên quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xác định hồ sơ xử phạt thuộc trường hợp phức tạp làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và xác định thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 5. Kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp

1. Thẩm quyền kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp

a) Cơ quan kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp ở cấp tỉnh là Sở Tư pháp, ở cấp huyện là Phòng Tư pháp và ở cấp xã là Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Người có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp là người thuộc cơ quan kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp được giao nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp.

2. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp

a) Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan thuộc trường hợp quy định tại Điều 59, Điều 61, điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30, khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xử lý vi phạm hành chính), tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt hoặc cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt có văn bản kèm theo hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính gửi cơ quan tư pháp cùng cấp đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp. Trường hợp thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp.

Đối với vụ việc vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp và hồ sơ vụ việc vi phạm, thủ trưởng cơ quan tư pháp cùng cấp giao nhiệm vụ cho người thực hiện kiểm tra, đánh giá và có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp gửi cơ quan, người có thẩm quyền đề nghị kiểm tra, đánh giá.

Đối với vụ việc vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp và hồ sơ vụ việc vi phạm, thủ trưởng cơ quan tư pháp cùng cấp giao nhiệm vụ cho người thực hiện kiểm tra, đánh giá và có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp (văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá) gửi cơ quan, người có thẩm quyền đề nghị kiểm tra, đánh giá.

Đối với vụ việc vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày được giao nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Đối với vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xử lý vi phạm hành chính), tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt hoặc cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt có văn bản kèm theo hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính gửi cơ quan tư pháp cùng cấp đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp. Trường hợp thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp.

Đối với vụ việc vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp và hồ sơ vụ việc vi phạm, thủ trưởng cơ quan tư pháp cùng cấp giao nhiệm vụ cho người thực hiện kiểm tra, đánh giá và có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp gửi cơ quan, người có thẩm quyền đề nghị kiểm tra, đánh giá.

Đối với vụ việc vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện, trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp và hồ sơ vụ việc vi phạm, thủ trưởng cơ quan tư pháp cùng cấp giao nhiệm vụ cho người thực hiện kiểm tra, đánh giá và có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp (văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá) gửi cơ quan, người có thẩm quyền đề nghị kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp, công chức Tư pháp - Hộ tịch

cấp xã có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Nội dung kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp

Kiểm tra, đánh giá về: Nội dung vi phạm hành chính (đối tượng, hành vi vi phạm hành chính; tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra; thời hiệu xử phạt; hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng và các nội dung khác liên quan đến vi phạm hành chính); thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 6. Hồ sơ thanh toán, kinh phí thực hiện

1. Hồ sơ thanh toán gồm:

- a) Văn bản giao, đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp.
- b) Văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp.

2. Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt phức tạp thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 119/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính căn cứ nhu cầu đề xuất của Sở Tư pháp và khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện và hướng dẫn các đơn vị liên quan sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành căn cứ quy định tại Quyết định này, chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện; nếu có khó khăn, vướng mắc thì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quyết định này; nếu có khó khăn, vướng mắc thì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định thẩm quyền, cách thức xác định, kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
 - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
 - Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
 - Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Tòa án nhân dân tỉnh;
 - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
 - Chánh, PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, các phòng, Công TTĐT, THNC.
- <Maibnt.221bản>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng